

Số: 02/2024/QĐST-VDS

Trà Cú, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Văn Tấn, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Đào Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên họp: Ông Trần Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 34/2024/TLST-VDS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp số 02/2024/QĐST-VDS ngày 29 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Trần Thị D**, sinh ngày 01/01/1983. Địa chỉ: **ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh** (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Chung Tấn T**, sinh ngày 01/01/1982. Địa chỉ: **khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**. Chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh** (có mặt).

2. Anh **Thạch S**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh** (vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã **Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**. Người đại diện ông **Kiên Văn T1**, Chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã (có đơn xin mở phiên họp vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 01/02/2024, bản tự khai chị **Trần Thị D** trình bày: Nguyên trước đây chị và anh **Thạch S** là vợ chồng hợp pháp với nhau. Hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quan hệ vợ chồng có một người con chung tên **Trần Thị Ngọc D1**, sinh ngày 18/8/2004. Vào năm 2005 hai bên phát sinh mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau từ đó đến nay.

Đến năm 2023 chị có nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Trà Cú để được xem xét giải quyết ly hôn và đã thuận tình ly hôn, được Tòa án ban hành Quyết định số 182/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2023. Về con chung **Trần Thị Ngọc D1**, sinh ngày 18/8/2004 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Trong thời gian chưa ly hôn thì năm 2017 chị có sống chung với anh **Chung Tấn T** như vợ chồng và có một người con tên **Trần Thị Thanh A**, sinh ngày 18/4/2023. Tuy nhiên do cháu **A** được sinh ra trong thời gian chị và anh **Thạch S** chưa ly hôn theo quy định nên khi tiến hành đăng ký khai sinh cho con phần họ tên người cha không thể để tên **Chung Tấn T** được. Nay chị yêu cầu Tòa án xác định anh **Chung Tấn T**, sinh ngày 01/01/1982. Địa chỉ: **khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**. Chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh** là cha ruột của cháu **Trần Thị Thanh A**, sinh ngày 18/4/2023.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Chung Tấn T** có ý kiến: Vào năm 2017 anh và chị **Trần Thị D** sinh sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và có sinh cháu **Trần Thị Thanh A** ngày 18/4/2023. Tuy nhiên do **Trần Thị D** và chồng cũ tên **Thạch S** chưa ly hôn nên khi tiến hành đăng ký khai sinh cho cháu thì phần tên người cha không thể mang tên **Chung Tấn T**. Do vậy chị **Trần Thị D** có yêu cầu xác định cha cho con, xác định anh là cha của cháu **Trần Thị Thanh A**.

Anh **Thạch S** vắng mặt: Tại biên bản về việc đương sự không có mặt tại địa phương ngày 15/3/2024 ông **Tăng Hoàng N** là Trưởng **ban N1, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh** cho biết anh **Thạch S** vắng mặt tại địa phương đã lâu và không có người thân sinh sống tại địa phương.

Ông **Kiên Văn T1**, đại diện **Ủy ban nhân dân xã Đ** có ý kiến: Ngày 06/12/2023 chị **Trần Thị D** có đến Ủy ban xã để làm thủ tục cấp giấy khai sinh cho cháu **Trần Thị Thanh A**, sinh ngày 18/4/2023. Có cung cấp giấy chứng sinh số GCS000153 ngày 18/4/2023 thể hiện cha là ông **Chung Tấn T**. Ngày 10/8/2023 Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa chị **Trần Thị D** và anh **Thạch S** nhưng nội dung về con chung không có thể hiện cháu **Trần Thị Thanh A**. Căn cứ theo quy định của pháp luật về hôn nhân con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Nên Ủy ban xã căn cứ cấp giấy khai sinh ngày 06/12/2023. Nay các đương sự có yêu cầu xác định cha cho con. Căn cứ theo quyết định của Tòa án nếu xác định cha là người khác thì Ủy ban xã sẽ điều chỉnh phần họ tên cha theo quyết định của Tòa án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của những người tham gia tố tụng, qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và kết quả xét nghiệm ADN ngày 06/3/2024 do vậy việc yêu cầu xác định anh **Chung Tấn T** cha ruột của cháu **Trần Thị Thanh A** có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 363, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị **Trần Thị D**, về việc yêu cầu xác định cha cho con. Về lệ phí giải quyết việc dân sự chị **Trần Thị Di** chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Theo quy định tại khoản 10, Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì “*Yêu cầu xác định cha cho con*” là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên họp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin mở phiên họp vắng mặt và anh **Thạch S** không có mặt tại địa phương, vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự, chị **Trần Thị D** và anh **Chung Tấn T** thừa nhận từ năm 2017 đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và có sinh một người con tên **Trần Thị Thanh A**, sinh ngày 18/4/2023. Mặt khác tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 182/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị D** anh **Thạch S**. Về phần con anh chị thống nhất có một người con chung tên **Trần Thị Ngọc Di**, sinh ngày 18/8/2004, không có con chung tên **Trần Thị Thanh A**, sinh ngày 18/4/2023. Tại bản kết quả xét nghiệm AND ngày 06/3/2024 của Hội đồng khoa học **Trung tâm C** kết luận mẫu AND ký hiệu **Chung Tấn T** và mẫu AND ký hiệu **Trần Thị Thanh A** có quan hệ huyết thống cha con với tần suất 99.99999988966%.

Từ những nhận định trên nhận thấy yêu cầu xác định cha cho con của chị **Trần Thị D** có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Trần Thị Di** nộp lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 10, Điều 29, điểm b, khoản 2, Điều 35 và các Điều 149, 363, 367, 369, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 89, 91, 101, 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của chị **Trần Thị D.**

Tuyên bố xác định anh **Chung Tấn T**, sinh ngày 01/01/1982. Địa chỉ: **khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**. Chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**. Căn cước công dân số 09308200***, cấp ngày 07/12/2022 là cha ruột **Trần Thị Thanh A**, sinh ngày 18/4/2023.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Trần Thị D** chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001672 ngày 01/02/2024, chị **Trần Thị D** nộp xong.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Đại An;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**Trần Văn Tấn**